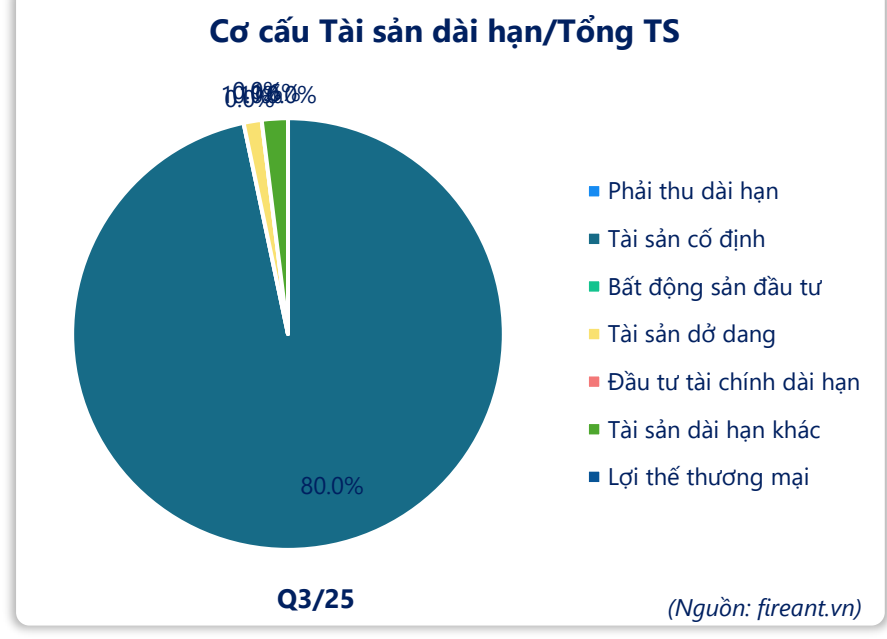
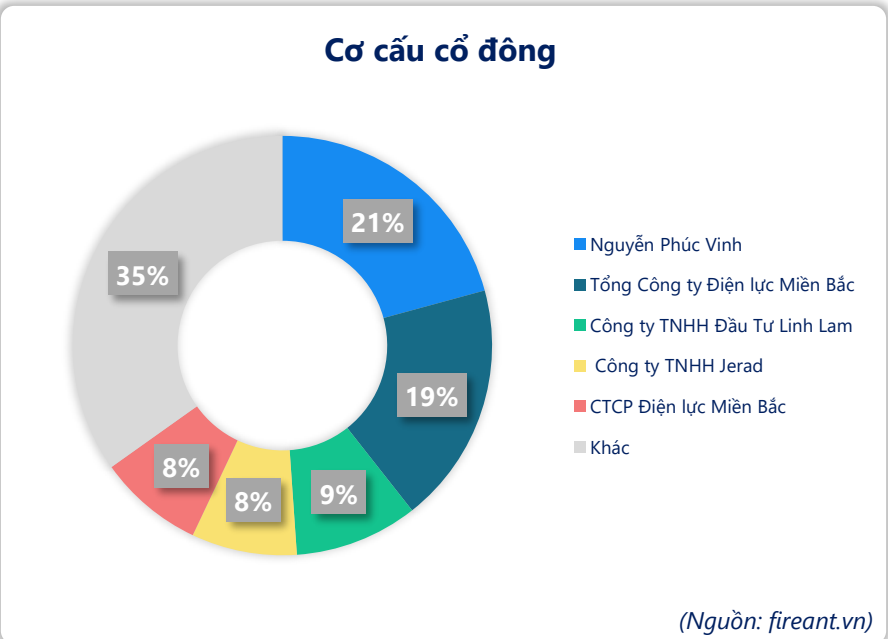
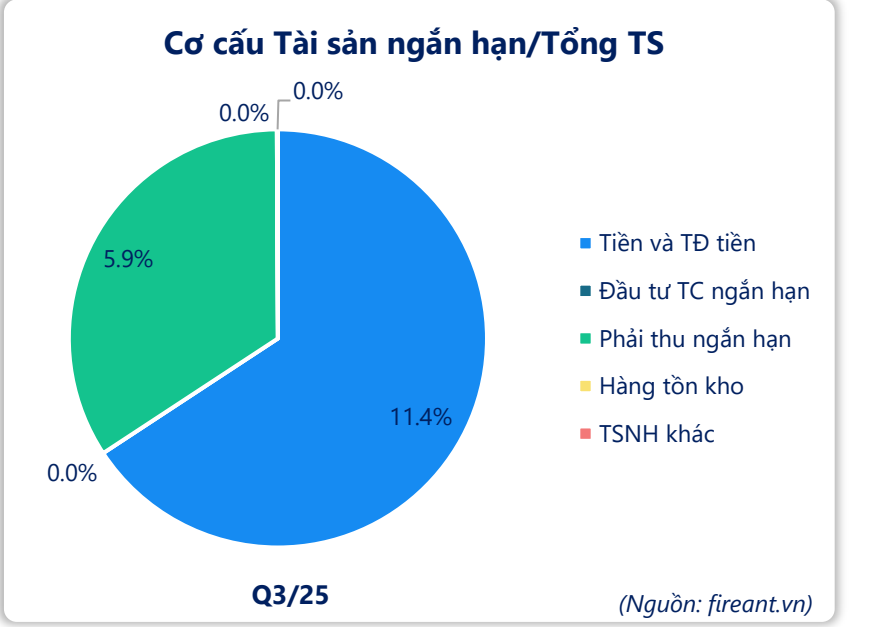
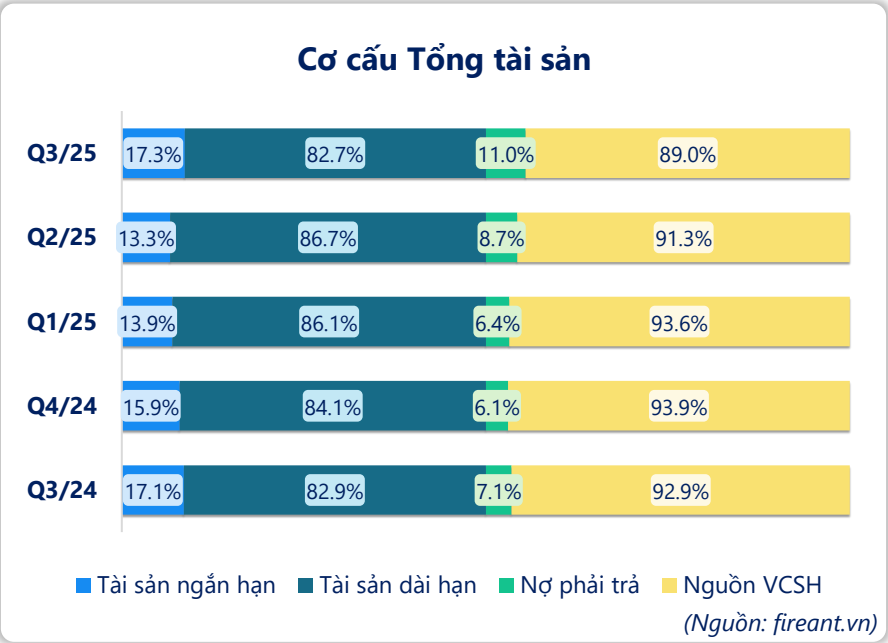
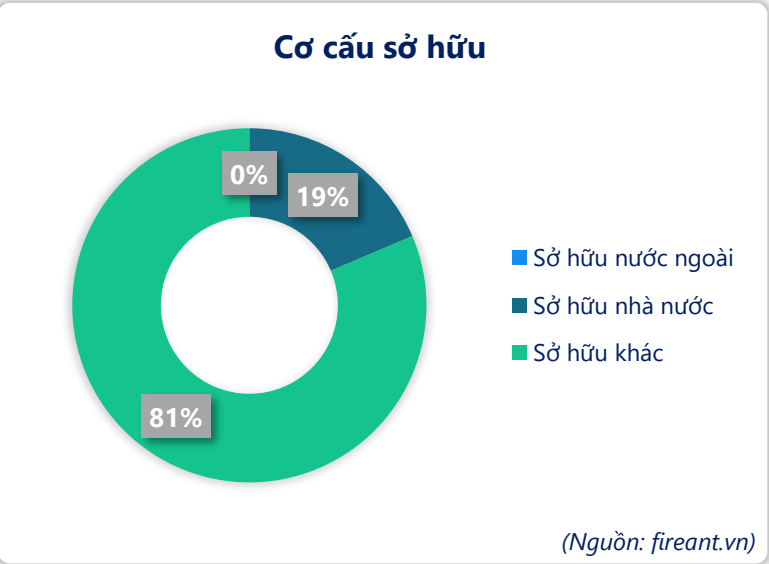
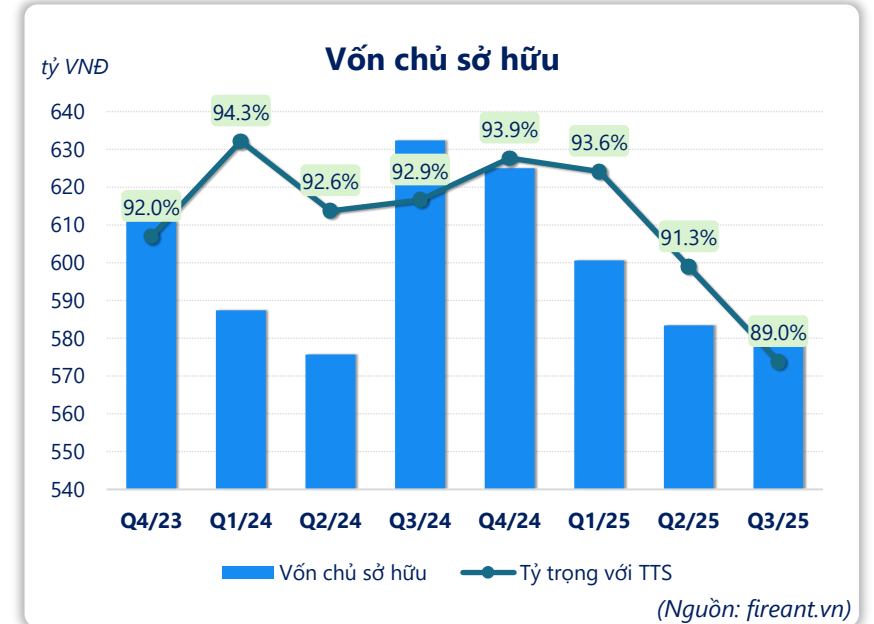
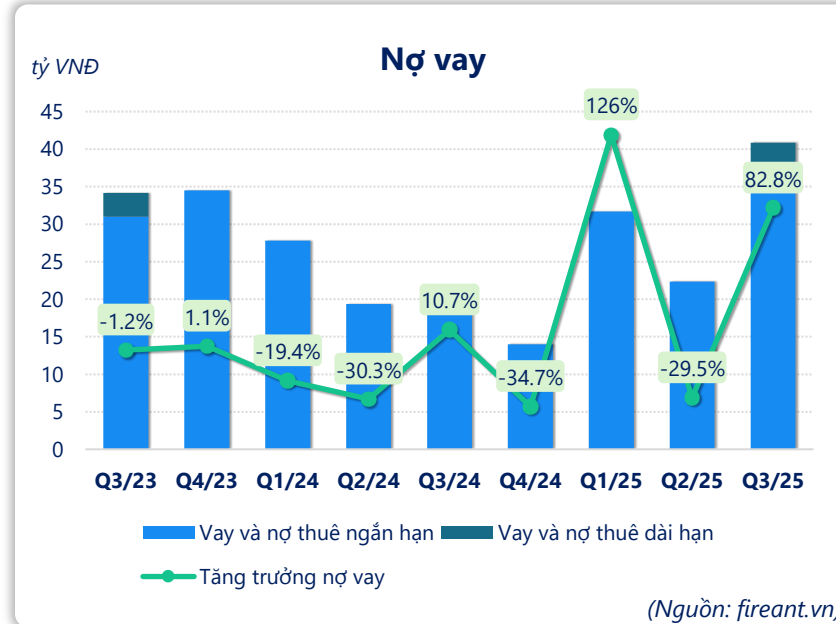
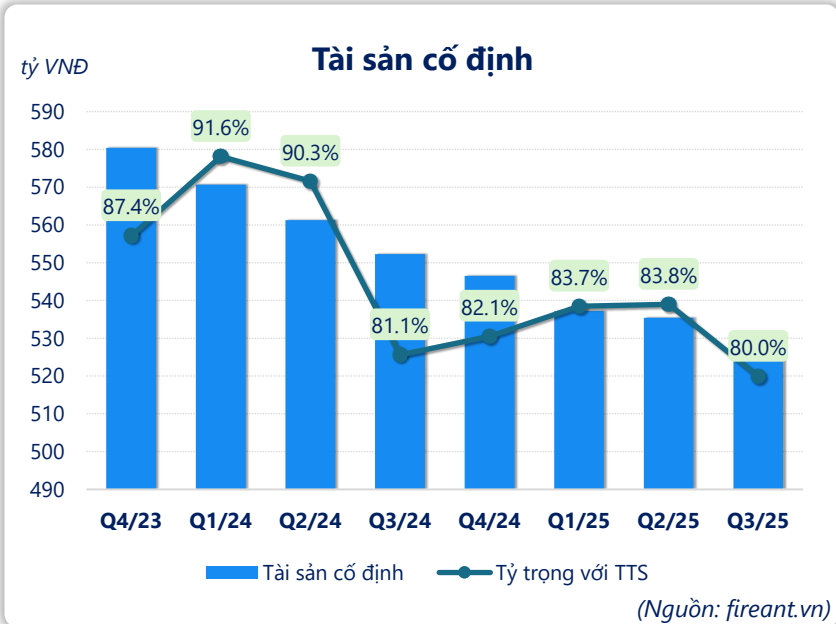
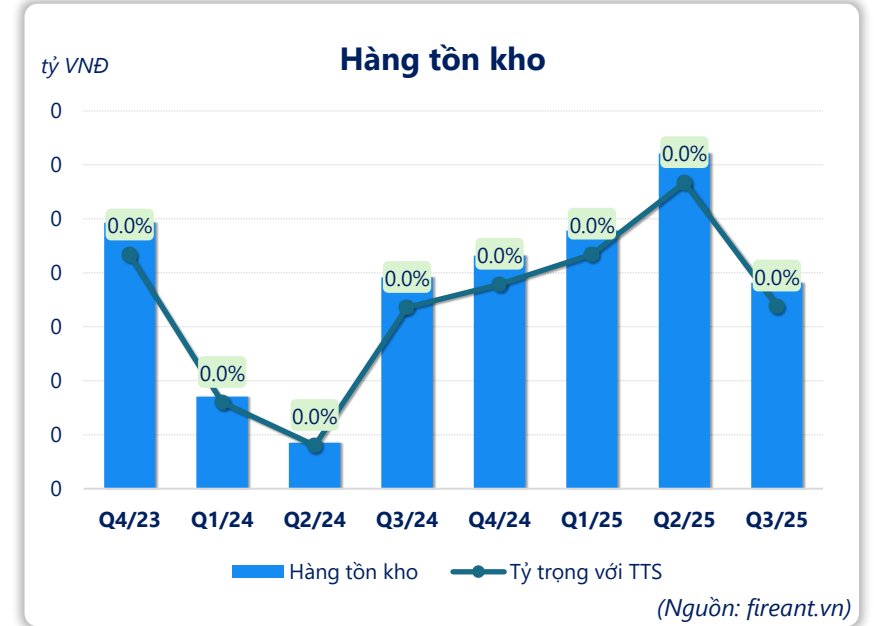
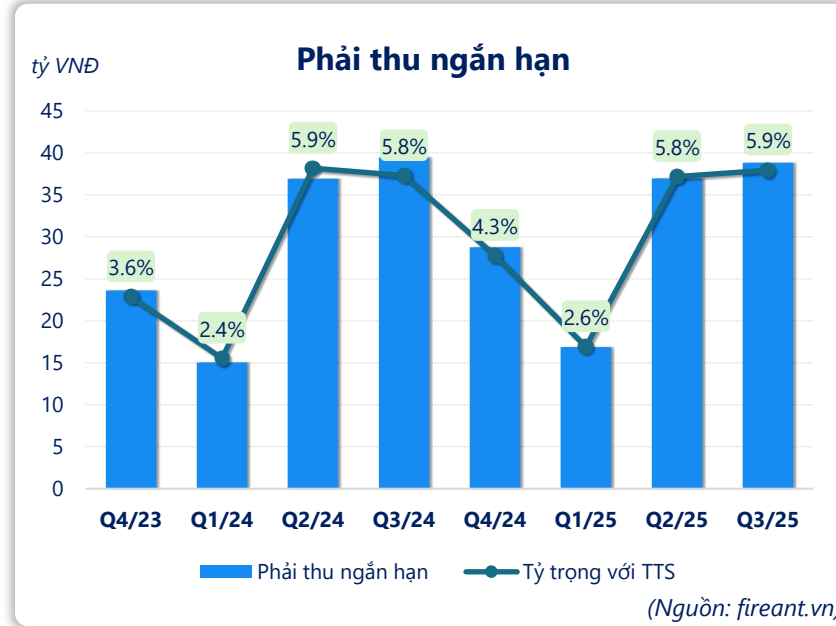
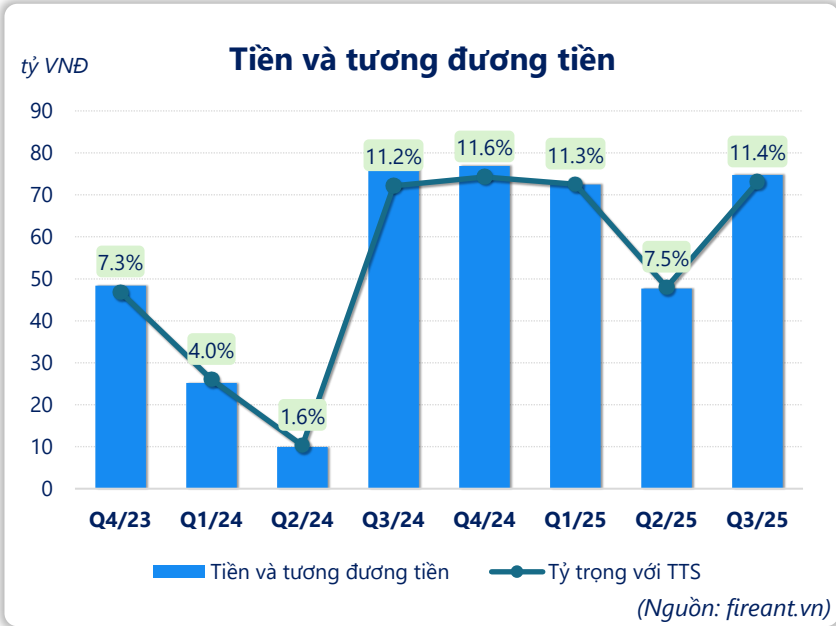
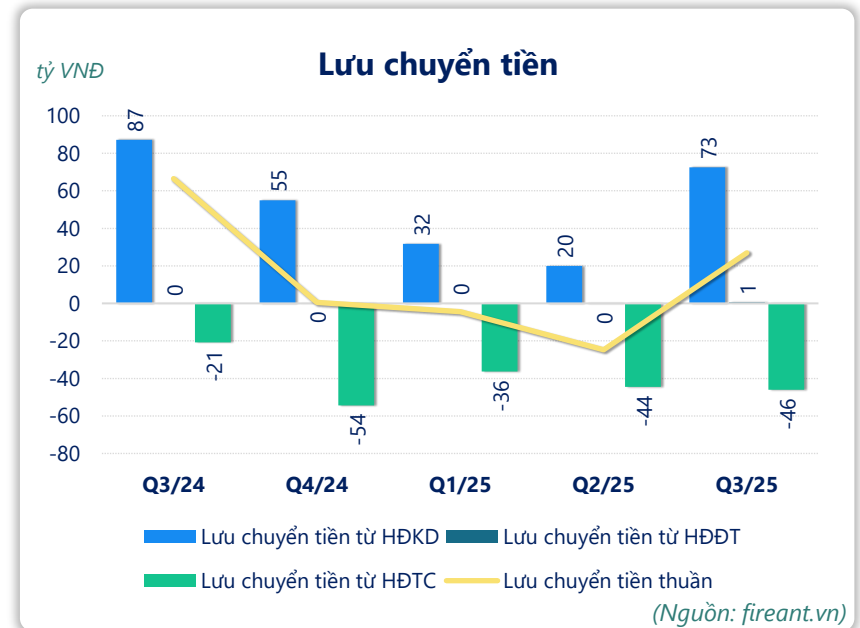
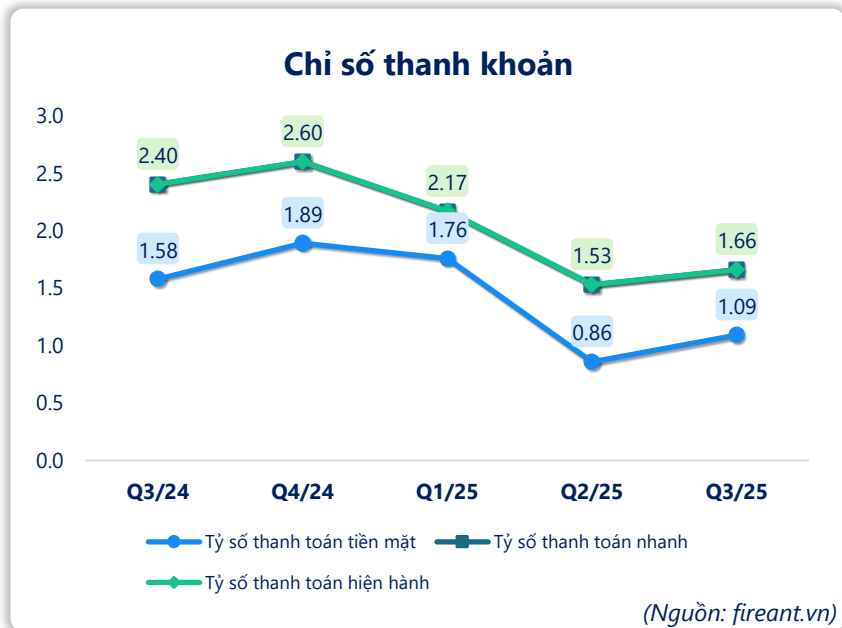
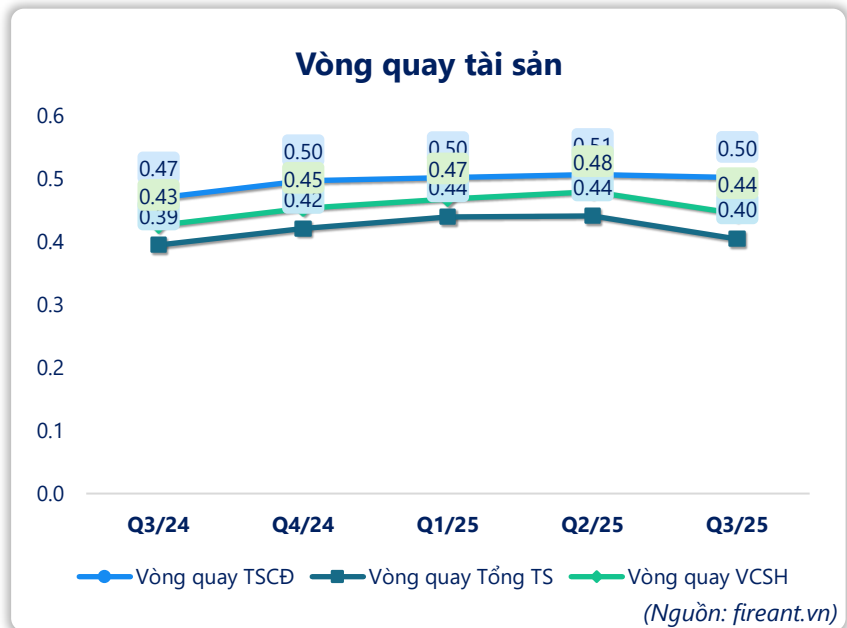
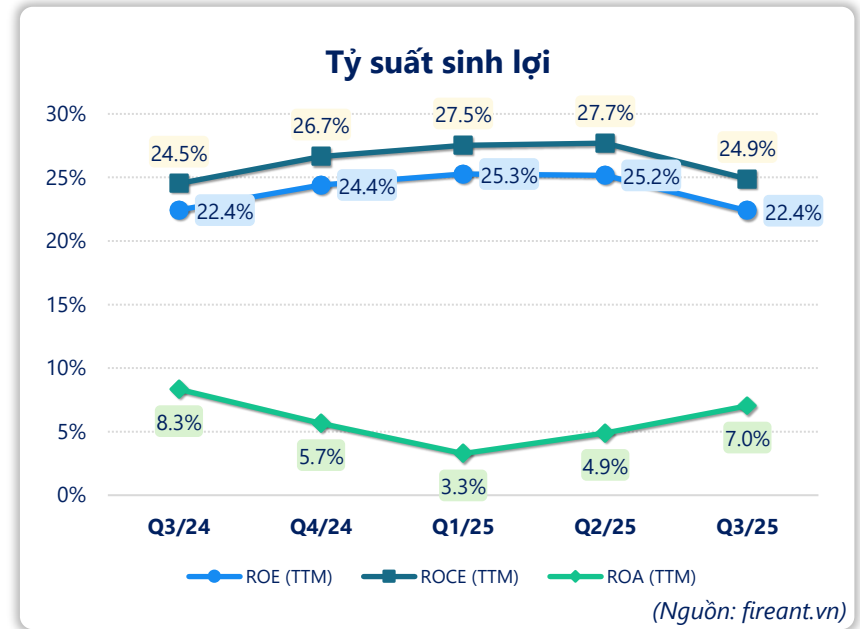
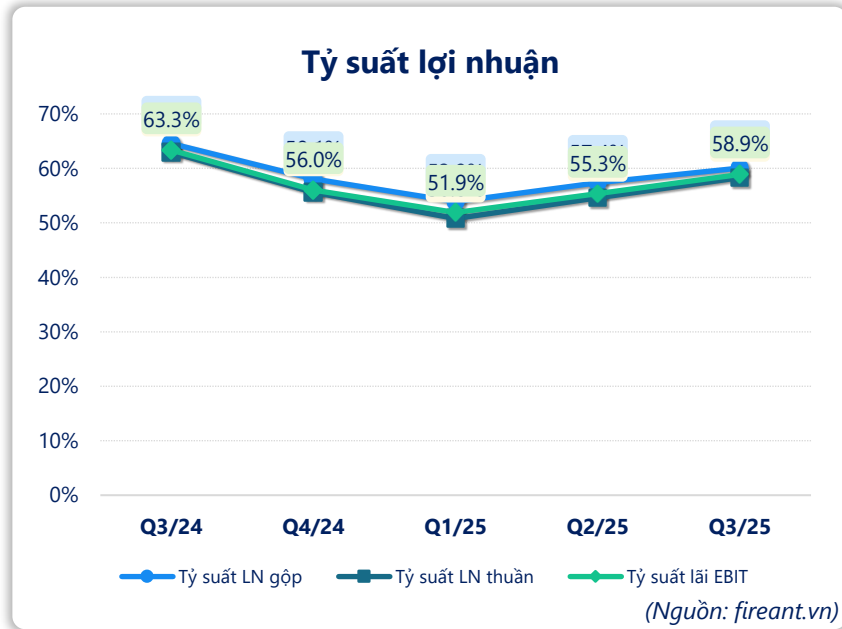
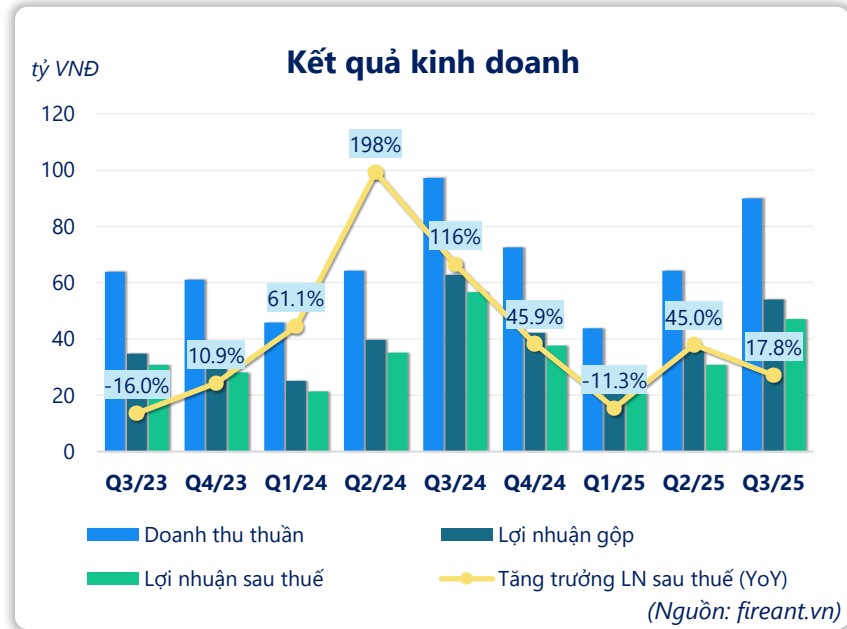


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		34,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,827
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,544
SL cổ phiếu LH		45,044,953
KLGD BQ 20 phiên (CP)		560
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,532
P/E		11.2
EPS		3,026

	YTD	1T	3T	6T
SBM	16.4%	3.0%	2.7%	2.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	658	666	-1.2%
Tài sản ngắn hạn	114	106	7.3%
Tiền và tương đương tiền	74.7	76.9	-2.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	38.8	28.9	34.3%
Hàng tồn kho	0.04	0.04	-11.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.06	0.04	37.3%
Tài sản dài hạn	544	560	-2.9%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	526	547	-3.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.35	7.43	-1.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	10.6	5.91	79.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	72.0	40.8	76.6%
Nợ ngắn hạn	68.4	40.8	67.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	37.2	14.0	165%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.04	3.29	83.9%
Nợ dài hạn	3.65	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	3.65	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	585	625	-6.3%
Vốn chủ sở hữu	585	625	-6.3%
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	97.2	72.6	43.8	64.2	90.0
Giá vốn hàng bán	34.5	30.5	20.2	27.4	35.9
Lợi nhuận gộp	62.7	42.2	23.6	36.8	54.1
Doanh thu HĐTC	0.19	0.46	0.48	0.32	0.28
Chi phí TC	0.40	0.28	0.39	0.50	0.58
Chi phí lãi vay	0.40	0.28	0.39	0.47	0.57
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.36	1.95	1.44	1.59	1.30
LN thuần từ HĐKD	61.2	40.4	22.3	35.1	52.5
Lợi nhuận khác	0	0.01	0.09	0	0
LN trước thuế	61.2	40.4	22.3	35.1	52.5
Lợi nhuận sau thuế	56.7	37.6	20.7	30.8	47.1
LNST của CĐ cty mẹ	56.7	37.6	20.7	30.8	47.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	87.2	55.0	31.7	20.0	72.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.02	-0.14	0.26	-0.30	0.54
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.8	-54.4	-36.4	-44.5	-46.0
Tiền đầu kỳ	9.96	76.4	76.9	72.4	47.7
Lưu chuyển tiền thuần	66.5	0.47	-4.45	-24.7	27.0
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	0	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	76.4	76.9	72.4	47.7	74.7

(Nguồn: fireant.vn)